

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
415	Nguyễn Thị Hương		01/01/30		Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
416	Nguyễn Thị Lạ		01/01/56		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
417	Nguyễn Thị Lom	01/01/54			873 kdc 2 Th	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
418	Nguyễn Thị Mậu		01/01/55		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
419	Nguyễn Thị Nhiên		08/08/50		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
420	Nguyễn Thị Nở		01/01/30		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
421	Nguyễn Thị Ren		01/01/46		1518/EP Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
422	Nguyễn Thị Thành		01/01/32		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
423	Nguyễn Thị Thường		01/01/26		Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
424	Nguyễn Thị Trị		01/01/30		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
425	Nguyễn Thị Út		01/01/48		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
426	Nguyễn Văn Cừ	01/01/32			1735/2 Ấp B	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
427	Nguyễn Văn Phước	01/01/29			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
428	Nguyễn Văn Thế	07/25/53			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	500.000	chết 14/2020
429	Nguyễn Văn Triệu	09/18/51			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
430	Phạm Thị Ba		05/25/58		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
431	Phạm Thị Miên		01/01/34		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
432	Tiêu Thị Na		01/01/45		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
433	Trần Lợi	09/03/51			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
434	Trần Thị Nhiên		01/01/51		Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
435	Trần Văn Kế		10/20/55		ấp Thống Nh	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	500.000	chết t4/2020
436	Trương Minh Triều	08/15/56			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
437	Đinh Ngọc Thiên	08/02/04			Phú Dòng	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
438	Đinh Ngọc Tiến	08/02/04			Phú Dòng	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
439	Hà Minh Đăng	12/17/05			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
440	Kiều Anh Khôi	03/11/16			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
441	Lê Anh Khôi	10/15/07			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
442	Lưu Nguyễn Ngọc Hu	02/10/11			Phú Dòng	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
443	Ngô Minh Nhật	12/28/09			Thống Nhất	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
444	Nguyễn Đào Trúc Quỳnh		04/19/11		Tam Bung	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
445	Nguyễn Đình Thiệu	09/07/04			Thống Nhất	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
446	Nguyễn Duy Chương	08/15/08			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
447	Nguyễn Hoàng Huy K	06/11/11			Thống Nhất	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
448	Nguyễn Hoàng Thái Vy		11/10/12		Thống Nhất	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
449	Nguyễn Lê Minh Hoàn	05/22/07			Phú Tâm	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
450	Nguyễn Minh Quân	11/12/10			Phú Tân	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
451	Nguyễn Ngọc Tường An		07/10/10		Phú Tân	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
452	Nguyễn Thành Đạt	01/01/07			Phú Tâm	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
453	Nguyễn Thành Tâm	01/31/05			Thống Nhất	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
454	Nguyễn Thị Quế Trân		07/29/08		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
455	Nguyễn Tiến Đạt	12/31/13			Phú Dông	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
456	Nguyễn Văn Sang	09/28/08			Phú Thọ	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
457	Phạm Anh Hào	05/06/08			Tam Bung	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
458	Phạm Huỳnh Gia Long	10/28/08			Phú Tâm	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
459	Phạm Ngô Đức Trí	05/22/12			"1085/D\Thố	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
460	Phạm Thanh Hào	07/20/06			Tam Bung	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
461	Tăng Ngọc Huyền	11/04/09			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
462	Tô Hữu Bằng	07/24/08			Phú Thọ	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
463	Trần La Yến Như		12/28/14		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
464	Trần Lê Tuấn Hưng	12/09/11			Phú Dòng	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
465	Trần Trọng Đức	12/22/09			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
466	Bùi Thị Ngọc Hân	09/21/89			1720 tổ 4 Phú	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
467	Chế Văn Trang	01/01/69			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
468	Đặng Thị Hồng Gám		01/01/89		648/5 Phú Th	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
469	Đinh Văn Hòa	01/04/64			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
470	Đỗ Văn Long		01/01/61		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
471	Hồ Văn Giàu	01/01/93			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
472	Hồ Văn Minh	01/01/76			926 D Thống	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
473	Hoàng Thị Thu Hương		01/01/61		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
474	Huỳnh Minh Lộc	09/14/94			ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
475	Kiều Anh Tú	01/11/78			ấp Thống Nh	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
476	Kộc Duy Thắng	01/28/04			ấp Phú Dông	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
477	Lâm Thị Hà		01/01/68		ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
478	Lâm Thị Thắm		01/01/64		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
479	Lâm Triệu Vĩ	12/28/97			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
480	Lê Hoàng Khải	01/01/85			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
481	Lê Hoàng Phúc	01/01/81			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
482	Lê Thị Liên		08/15/78		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
483	Lê Thị Thủy		01/01/72		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	600.000	
484	Lê Văn Lắm	01/01/67			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
485	Lê Xuân Tâm	10/05/77			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
486	Lưu Ngọc Lễ		01/01/63		Phú Dông	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
487	Lý Văn Chiến	01/01/70			kêc 5 Bết Ng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
488	Ngô Minh Tiến	04/30/93			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
489	Ngô Thanh Mỹ	09/10/71			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
490	Ngô Thị Thanh	01/01/67			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
491	Ngô Văn Hậu	01/01/00			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
492	Ngô Xuân Phúc	01/01/72			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
493	Nguyễn Hoàng Vũ	01/01/80			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
494	Nguyễn Hữu Năng	01/01/74			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
495	Nguyễn Ngọc Minh	09/01/87			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	900,000đ
496	Nguyễn Quốc Tuấn	01/01/81			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	600.000	hỗ trợ người bán
497	Nguyễn Thanh Hải	02/19/78			1540 E Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
498	Nguyễn Thanh Liêm	12/27/66			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
499	Nguyễn Thành Sang	01/01/86			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
500	Nguyễn Thanh Vũ	02/16/97			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
501	Nguyễn Thị Bích Vân		01/01/87		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
502	Nguyễn Thị Hiền		01/01/69		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
503	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/75		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
504	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		11/07/91		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
505	Nguyễn Thị Ngọc Dung		11/16/91		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
506	Nguyễn Thị Sô		01/01/70		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
507	Nguyễn Thị Trúc Linh		01/01/74		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
508	Nguyễn Thị Trúc Linh		12/20/01		ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
509	Nguyễn Thị Trượng	01/01/63			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
510	Nguyễn Thị Yên		01/01/63		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
511	Nguyễn Thượng Luân	05/04/90			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
512	Nguyễn Trung Cường	04/30/83			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	600.000	
513	Nguyễn Trường Tam	12/12/89			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
514	Nguyễn Văn Cầu	01/01/63			953/D Thống	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
515	Nguyễn Văn Chúc	01/01/69			tổ 1 Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
516	Nguyễn Văn Công	06/20/88			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
517	Nguyễn Văn Cường	01/01/66			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
518	Nguyễn Văn Dũng	02/04/81			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
519	Nguyễn Văn Hùng	01/01/80			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
520	Nguyễn Văn Nhật	01/01/87			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
521	Nguyễn Văn Phương	01/01/68			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
522	Nguyễn Văn Thôn	01/01/84			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	600.000	
523	Nguyễn Văn Tri	01/01/65			1180/D ấp TT	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
524	Nguyễn Văn Trung	12/18/71			1301/E Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
525	Phạm Thị Hồng Liên		01/01/72		Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
526	Phạm Văn Hiệp	01/01/72			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
527	Thái Thành Sơn	08/09/76			1542/2 tổ 13	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
528	Trần Anh Tuấn	01/01/84			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
529	Trần Đăng Khoa	01/31/01			558/2c ấp Phi	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
530	Trần Hoàng Huỳnh	01/01/79			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
531	Trần Oanh Thi		01/01/69		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
532	Trần Thái Thông	01/01/85			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
533	Trần Thị Hiền		01/01/81		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
534	Trần Thị Mầu		02/28/63		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
535	Trần Thị Thu Thảo		01/01/93		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
536	Trần Tuyết Trinh		01/01/75		Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
537	Trần Văn Lường	01/01/67			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
538	Trần Văn Thanh	01/01/70			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
539	Trần Văn Tùng	07/06/78			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
540	Trần Xuân Oanh		01/01/75		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
541	Trương Tấn Đạt	02/12/94			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
542	Trương Văn Cà	01/01/69			1560/E Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
543	Bùi Thị Hộ		01/01/53		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
544	Bùi Thị Quế		01/01/50		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
545	Đỗ Thành Long	12/10/48			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
546	Đoàn Thị Ca		01/01/49		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
547	Hồ Văn Tân	01/01/38			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
548	Kiên Tuấn	08/01/54			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
549	Lê Công Thường	01/01/38			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
550	Lê Thanh Tâm	10/20/44			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
551	Lê Thị Ca		01/01/22		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
552	Lê Thị Diệu		01/01/48		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
553	Lê Thị Hương		01/01/55		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
554	Lữ Văn Luy	01/27/38			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
555	Lương Thị Màu		01/01/40		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
556	Lương Thị Vân		01/01/37		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
557	Ngô Thị Khiếu		03/15/46		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
558	Ngô Thị Phương		01/01/49		1356/e Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
559	Nguyễn Hùng Diệp	01/01/50			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đội tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
560	Nguyễn Thị Bảy		01/01/56		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
561	Nguyễn Thị Di		01/01/25		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
562	Nguyễn Thị Hoa		01/01/45		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
563	Nguyễn Thị Huệ		11/01/58		1688 tổ 3 Phú	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
564	Nguyễn Thị Mừng		01/01/52		tổ 1 Ấp Phú I	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
565	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/46		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
566	Nguyễn Thị Suyền		03/01/53		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
567	Nguyễn Thị Thiệp		01/01/56		ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
568	Nguyễn Thị Tín		09/25/59		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
569	Nguyễn Thị Út		01/01/52		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
570	Nguyễn Văn Biên	01/01/51			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
571	Nguyễn Văn Đoir	01/01/53			ấp Thống Nh	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
572	Nguyễn Văn Huệ	01/31/37			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
573	Nguyễn Văn Kiệm	01/01/28			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
574	Nguyễn Văn Lãng	01/01/60			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
575	Nguyễn Văn Long	01/01/52			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
576	Nguyễn Văn Sang	01/01/50			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
577	Nguyễn Văn Viên	01/01/41			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
578	Phạm Thị Mạnh		01/01/34		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
579	Phan Văn Tôn	01/01/55			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
580	Quách Đình Dũng	01/01/60			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
581	Trần Bửu Đức	12/13/47			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
582	Trần Thị Đặng		06/04/41		1297/E Áp P	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
583	Trần Thị Hồng		01/01/47		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
584	Trần Thị Út		01/01/49		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
585	Trần Văn Cường	10/12/43			302/B Phú Tả	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
586	Trần Văn Dị	01/01/46			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
587	Võ Văn Vàng	01/01/52			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
588	Vũ Thị Khán		01/01/36		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	
589	Vũ Thị Mười		01/01/42		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
590	Bùi Luân Minh Quân		10/20/07		ấp Tân Lập	Phú Túc	tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450,000 đ	1.500.000	
591	Nguyễn Thị Cúc		03/04/07		ấp Cầu Ván	Phú Túc	TE từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có NND	450,000 đ	1.500.000	
592	Nguyễn Thành Tài	01/01/05			Thái Hòa 2	Phú Túc	tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo nhiễm	600,000 đ	1.500.000	
593	Nguyễn Thị Kim Lan		06/01/83		Thái Hòa 2	Phú Túc	HIV thuộc hộ nghèo	450,000 đ	1.500.000	
594	Đoàn Thị Ngọc		01/01/59		Bình Hòa	Phú Túc	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300,000 đ	1.500.000	
595	Lê Thị Mỹ Hội		03/02/72		Suối Rút	Phú Túc	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600,000 đ	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
596	Nguyễn Thị Bích Thủy		09/26/69		Cầu Ván	Phú Túc	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600,000 đ	1.500.000	
597	Nguyễn Trung Quốc	01/01/90			Suối Rút	Phú Túc	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600,000 đ	1.500.000	
598	Phạm Thị Tuyết Linh		12/28/75		Cầu Ván	Phú Túc	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600,000 đ	1.500.000	
599	Bùi Văn Miên	01/01/50			Ấp Suối Rút	Phú Túc	NCT có đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
600	Hà Thị Mây		01/01/42		Tân Lập	Phú Túc	NCT có đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
601	Nguyễn Kim Cúc		01/01/41		Ấp Chợ	Phú Túc	NCT có đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
602	Nguyễn Thị Hải		03/10/59		ấp Tân Lập	Phú Túc	NCT có đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
603	Nguyễn Thị Lướt		01/01/51		Ấp Thái Hòa	Phú Túc	NCT có đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
604	Phạm Thị Quận		01/01/57		Áp Chợ	Phú Túc	NCT cô đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
605	Trương Văn Lệ	01/01/50			Áp Chợ	Phú Túc	NCT cô đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
606	Phạm Thị Phụng		01/01/37		Suối Rút	Phú Túc	Người CT cô đơn thuộc HN từ đủ 80 tuổi trở lên	600,000 đ	1.500.000	
607	Bùi Chính	01/01/29			tổ 2 Suối Sọc	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
608	Bùi Thị Ba		01/01/40		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
609	Bùi Thị Bé		01/01/32		Áp Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
610	Bùi Văn Ấc	01/01/32			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
611	Bùi Văn Bính	01/01/29			14/3 Áp Tân	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
612	Bùi Văn Bôn	01/01/32			Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
613	Cao Hữu Công	02/03/39			Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
614	Cao Thị Nhấn		01/01/30		10/2 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
615	Cáp Thị Khai		06/02/39		Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
616	Châu Quang	01/01/37			ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
617	Chống Quảng Chấn	01/01/28			13/6 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
618	Đặng Thị Đúng		01/01/37		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Năm	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
619	Đặng Thị Hạnh		09/29/35		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
620	Đặng Thị Mừng		01/01/39		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
621	Điêu Thị Chút		01/01/32		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
622	Điêu Thị Đẹp		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
623	Đinh Công Liêu	01/01/40			Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
624	Đinh Thị Liên		01/01/33		Ấp Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
625	Đinh Thị Liên		02/12/39		Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
626	Đinh Thị Thế		01/01/30		10/3 Ấp Tân	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
627	Đinh Thị Viết		01/01/32		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
628	Đỗ Hữu Liêm	09/12/37			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
629	Đỗ Khôi	07/08/33			Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
630	Đỗ Kim Tông	01/01/34			kdc 7 ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
631	Đoàn Thị Gát	01/01/34			12/2 ấp Tân L	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
632	Đoàn Thị Ràng		01/01/37		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
633	Đông Thị Thìn		02/23/40		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
634	Dương Thị Ngải		01/01/30		23/2 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
635	Dương Thị Sang		01/01/27		14/1 Ấp Bình	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
636	Dương Thị Tàn		01/01/37		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
637	Giềng Sy Mùi		05/05/34		14/6 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
638	Hà Thị Cự		01/01/36		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
639	Hà Thị Kệ		01/01/34		kdc 4 ấp Tân	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
640	Hà Thị Oát		01/01/25		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
641	Hà Thị Phúc		01/01/39		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
642	Hà Thị Tý		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
643	Hà Thị Út		01/01/34		kdc 4 ấp Tân	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
644	Hà Văn Lực	01/01/30			36/1 Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
645	Hồ Thị Thừa		01/01/30		38/9 Ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
646	Hoàng A Sùi	01/01/27			7/5 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
647	Hoàng Khang	01/01/36			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
648	Hoàng Thị Nhâm		01/01/33		Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
649	Hoàng Thị Sản		01/01/34		kdc 1 ấp Tân	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
650	Hoàng Văn Chung	01/01/38			Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
651	Hoàng Văn Hiếu	01/01/38			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
652	Huỳnh Thị Chư		01/01/39		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
653	Huỳnh Thị Hoa		01/01/37		ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
654	Huỳnh Thị Rọc		01/01/32		Ấp Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
655	Huỳnh Văn Ba	01/01/29			17/3 Ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
656	Lại Kim Lương	01/01/26			31/6 Ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
657	Lại Thị Bình		01/01/31		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
658	Lại Văn Tư	01/01/36			Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
659	Lê Lành	01/01/39			Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
660	Lê Thị Bất		01/01/28		31/1 Ấp Bình	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
661	Lê Thị Bé		10/07/39		Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
662	Lê Thị Bé		01/01/37		Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	
663	Lê Thị Cận	04/25/39			Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
664	Lê Thị Em		03/16/27		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
665	Lê Thị Hoa		01/01/28		7/2 Áp Suối I	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
666	Lê Thị Lành		01/01/35		10/3 ấp Bình	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
667	Lê Thị Mai		01/01/37		Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
668	Lê Thị Năng		01/01/37		ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
669	Lê Thị Sạch		01/01/36		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
670	Lê Thị Thu Trang		01/01/38		Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
671	Lê Thị Vượng		01/01/38		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
672	Lê Tiến	01/01/35			ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
673	Lê Văn Ban	04/12/38			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
674	Lê Văn Dương	01/01/34			kdc 7 ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
675	Lê Văn Thà	01/01/28			01/1 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	Chết t4/2020
676	Lê Văn Lập Đường	01/01/27			21/1 Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
677	Lưu Cẩm Dính		01/01/32		Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
678	Lông Tài Chế		01/01/36		ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
679	Lọc Lâm Kiu		01/01/35		ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
680	Lùng Phùng Cửu	01/01/29			2/2 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
681	Lương Công Như	06/01/37			kdc 3 Cầu Vá	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
682	Lương Quy Lộc	01/01/28			tổ 1 Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
683	Lương Thị Hai		01/01/31		tổ 3 Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
684	Lương Thị Kinh		01/01/34		kdc 5 ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
685	Lương Văn Lợi	01/01/34			kdc 2 ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
686	Lưu Thị Mận		05/04/38		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
687	Lưu Văn Luân	01/01/30			25/2 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
688	Lý A Cầu	01/01/38			Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
689	Lý Cẩm Đậu	01/01/36			kdc 1 Cầu Vá	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
690	Lý Tạt Sính	01/01/32			Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
691	Lý Vòng Pầu	01/01/32			Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
692	Mai Tăng Thuận	01/01/25			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
693	Mai Văn Buôn	01/01/30			Cây xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
694	Màn A Tay		01/01/32		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
695	Ngô Thị Roan		01/01/37		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
696	Ngô Thị Tinh		01/01/40		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
697	Nguyễn Công Tư	01/01/36			Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
698	Nguyễn Đăng Viên	01/01/25			tổ 2 Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
699	Nguyễn Đình Viễn	10/08/36			4/3 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
700	Nguyễn Hai	01/01/38			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
701	Nguyễn Khách	01/01/35			ấp Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
702	Nguyễn Lên	07/02/37			ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
703	Nguyễn Thanh Vân	12/18/32			Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
704	Nguyễn Thị Mơ		01/01/29		tổ 7 Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
705	Nguyễn Thị Cấn		01/01/35		ấp Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
706	Nguyễn Thị Chè		01/01/32		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
707	Nguyễn Thị Chiêu		02/20/40		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
708	Nguyễn Thị Chính		01/01/37		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
709	Nguyễn Thị Chua		01/01/36		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
710	Nguyễn Thị Chúc		01/01/38		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
711	Nguyễn Thị Cúc		10/05/37		Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
712	Nguyễn Thị Đàm		01/01/37		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
713	Nguyễn Thị Giải		01/01/30		Ấp Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
714	Nguyễn Thị Hiền		01/01/36		Cầu ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
715	Nguyễn Thị Hoa		01/01/33		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
716	Nguyễn Thị Hoa		01/01/33		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
717	Nguyễn Thị Hòa		01/01/35		Ấp Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
718	Nguyễn Thị Hồng Vân		01/01/32		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
719	Nguyễn Thị Huệ		01/01/40		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
720	Nguyễn Thị Huệ		10/02/39		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
721	Nguyễn Thị Hương		01/01/36		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
722	Nguyễn Thị Hựu		01/01/35		25/2 ấp Bình	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
723	Nguyễn Thị Khuyên		01/01/36		Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
724	Nguyễn Thị Kính		06/06/36		kdc 3 Thái H	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
725	Nguyễn Thị Kỳ		01/01/26		tổ 1 Áp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
726	Nguyễn Thị Lạc		01/01/40		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
727	Nguyễn Thị Liên		01/01/36		KDC 9 Thái	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
728	Nguyễn Thị Lý		01/01/35		26/2 áp Cầu	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
729	Nguyễn Thị Mầu		01/01/32		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
730	Nguyễn Thị Mến		01/01/39		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
731	Nguyễn Thị Mừng		01/01/31		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
732	Nguyễn Thị Mười		01/01/36		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
733	Nguyễn Thị Mười		01/01/30		tổ 1 Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
734	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/28		26/1 Áp Bình	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
735	Nguyễn Thị Ngọt		01/01/39		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
736	Nguyễn Thị Nhân		01/01/28		tổ 2 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
737	Nguyễn Thị Nháng		01/01/40		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
738	Nguyễn Thị Nhờ		01/01/34		kdc 2 áp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
739	Nguyễn Thị Nhung		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
740	Nguyễn Thị Niên		01/01/23		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
741	Nguyễn Thị Nỉn		01/01/29		2/3 Ấp Tân L	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
742	Nguyễn Thị Nữa		01/01/39		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
743	Nguyễn Thị Oanh Oanh		07/11/36		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
744	Nguyễn Thị Phôi		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
745	Nguyễn Thị Sắc		01/01/36		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
746	Nguyễn Thị Sâm		05/03/34		41/7 Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
747	Nguyễn Thị Siêng		01/01/32		Ấp Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
748	Nguyễn Thị Soi		01/01/36		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
749	Nguyễn Thị Song		01/01/40		ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
750	Nguyễn Thị Suốt		01/01/26		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
751	Nguyễn Thị Tâm		06/07/39		Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
752	Nguyễn Thị Thạch		01/01/30		22/4 Thái Hồ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
753	Nguyễn Thị Tho		01/01/29		12/4 Thái Hồ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
754	Nguyễn Thị Thu Hà		01/01/34		kdc 3 ấp Bình	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
755	Nguyễn Thị Tiu		01/01/34		34/5 ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
756	Nguyễn Thị Tơ		01/01/40		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
757	Nguyễn Thị Tươi		01/01/38		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
758	Nguyễn Thị Tươi		01/01/36		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
759	Nguyễn Thị Ước		01/01/37		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
760	Nguyễn Thị Uyên		01/01/30		Áp Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
761	Nguyễn Thị Vân		01/01/30		7/7 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
762	Nguyễn Thị Vui		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
763	Nguyễn Văn Át	01/01/35			kdc 6 ấp Cầu	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
764	Nguyễn Văn Bảy	01/01/36			Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
765	Nguyễn Văn Biên	01/01/36			ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
766	Nguyễn Văn Bình	01/01/31			tổ 5 Ấp Cầu	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
767	Nguyễn Văn Chức	01/01/40			Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
768	Nguyễn Văn Cỏ	01/01/20			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đổi tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
769	Nguyễn Văn Đào	06/12/37			Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
770	Nguyễn Văn Hàn	01/01/39			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
771	Nguyễn Văn Hộ	01/01/28			4/7 Ấp Suối H	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
772	Nguyễn Văn Long	01/01/40			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
773	Nguyễn Văn Mẫn	01/11/36			Suối Sơn	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
774	Nguyễn Văn Một	01/01/37			Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
775	Nguyễn Văn Rạng	01/01/35			kdc 3 Tam B	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
776	Nguyễn Văn Thành	01/01/29			1/5 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
777	Nguyễn Văn Vy	01/01/37			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
778	Nhìn Siu Pấn	01/01/31			Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
779	Phạm Bá Hộ	01/01/38			Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
780	Phạm Ngọc Dương	01/01/20			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
781	Phạm Thị Ánh		01/01/28		13/4 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
782	Phạm Thị Áp		01/01/26		tổ 7 Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
783	Phạm Thị Cúc		01/01/29		17/5 Ấp Suối	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
784	Phạm Thị Dân		01/01/32		Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
785	Phạm Thị Hồng		03/15/36		17/4 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
786	Phạm Thị Hồng		01/01/23		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
787	Phạm Thị Loan		01/01/25		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
788	Phạm Thị Quay		01/01/35		ấp Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
789	Phạm Thị Sáo		01/01/35		ấp Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
790	Phạm Thị Sen		01/01/35		kdc 6 Thái H	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
791	Phạm Thị Tâm		01/01/34		kdc 3 ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
792	Phạm Thị Thương		01/01/32		Áp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
793	Phạm Thị Tuất		01/01/37		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
794	Phạm Thị Vàng		01/01/40		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
795	Phạm Văn Dân	10/21/39			Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
796	Phạm Văn Liêm	01/01/31			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
797	Phạm Văn Mạo	01/01/35			ấp Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
798	Phạm Văn Toàn	01/01/22			Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
799	Phạm Văn Trương	01/01/28			13/5 Ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
800	Phan Thị Em		01/01/36		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
801	Phan Thị Giang		01/01/27		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
802	Phan Thị Rịu		05/15/33		Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
803	Phan Thị Sum		01/01/34		kdc 7 ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
804	Phổng Huê		01/01/31		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
805	Phồng Sâm Múi		01/01/33		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
806	Phùng Thị Diện		01/01/35		ấp Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
807	Phùng Thị Hoạch		01/24/36		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
808	Quách Quang Luyến	01/01/37			Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
809	Quách Thị Hiểm		01/01/36		Tân lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
810	Quách Thị Sém		10/15/39		Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
811	Quách Thị Tuất		01/01/40		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
812	Quách Thị Xốp		01/01/29		18/5 Ấp Tân	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
813	Quách Thuễm	01/01/25			Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
814	Son Thị Samaly		01/01/40		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
815	Sỳ Lý Cú		01/01/24		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
816	Tạ Quốc Hải	01/01/33			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
817	Tạ Thị Ninh		01/01/40		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
818	Trần A Kíu		01/01/32		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
819	Trần A Nhít	01/01/30			18/6 Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.000.000	chết t5/2020
820	Trần Đức Hòa	01/01/40			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
821	Trần Nhục Cú		01/01/31		Áp Thái Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
822	Trần Quốc Thiệu	02/03/34			kdc 2 ấp Tam	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
823	Trần Thị Bán		01/01/26		Áp Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
824	Trần Thị Chê		01/01/36		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
825	Trần Thị Chín		01/01/35		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
826	Trần Thị Đầy		01/01/40		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
827	Trần Thị Ân		01/01/39		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đổi tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
828	Trần Thị Khuyên		01/01/22		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
829	Trần Thị Lor		01/01/40		Bình Hòa	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
830	Trần Thị Loan		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
831	Trần Thị Mân		01/01/32		Ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
832	Trần Thị Rút		01/01/34		kdc 2 ấp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
833	Trần Thị Tầm		01/01/37		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
834	Trần Thị Thái		05/06/37		Thái Hòa 2	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
835	Trần Thị Tơ		01/01/33		Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
836	Trần Thị Tơ		01/01/37		Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
837	Trần Thị Xiêm		01/01/40		Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
838	Trần Thùy	01/01/36			Suối Son	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
839	Trần Toa	10/10/36			3/6 ấp Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
840	Trần Ứng Mùi		01/01/35		kdc 6 Thái H	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
841	Trần Văn Biên	01/01/36			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
842	Trần Văn Giang	01/01/40			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
843	Trần Văn Mương	01/01/30			tổ 3 Cầu Ván	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
844	Trần Văn Nhuận	01/01/33			Tam Bung	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
845	Trần Văn Phụng	01/01/29			12/5 Áp Cầu	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
846	Trần Văn Quỳnh	01/01/40			Suối Rút	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
847	Trần Văn Thung	01/01/28			28/3 Áp Cây	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
848	Trần Văn Tuất	01/01/33			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
849	Trịnh Kha Trần	06/29/35			Thái Hòa 1	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
850	Trịnh Văn Phụ	01/01/29			Áp Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
851	Trương Sao Kíu	01/01/34			kác 1 áp Cầu	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
852	Trương Thị Đám		01/01/28		Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
853	Trương Thị Định		01/01/40		Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
854	Trương Thị Thương		01/01/30		tổ 7 Áp Tân I	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
855	Võ Ngọc Cừu	03/20/36			Cây Xăng	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
856	Võ Ngọc Phấn	01/01/32			Chợ	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
857	Võ Thị Hôn		02/23/39		Tân Lập	Phú Túc	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	